



**DANH MỤC  
TÀI LIỆU HTQLCL ISO 9001:2008**

STT	Tên tài liệu	Mã số	Lần ban hành				Ghi chú
			1	2	3	4	
<b>1. Thủ tục theo yêu cầu tiêu chuẩn</b>							
1.	Chính sách chất lượng	CSCL	X				
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	X				
3.	Sổ tay chất lượng	STCL	X				
4.	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT-01	X				
5.	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT-02	X				
6.	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-03	X				
7.	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp	QT-04	X				
8.	Quy trình thực hiện hành động khắc phục	QT-05	X				
9.	Quy trình thực hiện hành động phòng ngừa	QT-06	X				
<b>2. Lĩnh vực nông nghiệp</b>							
10.	Cấp chứng chỉ chất lượng giống đối với bò đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp nuôi tại cơ sở chăn nuôi	QT-01/NNPTNT	X				

11.	Cấp chứng chỉ chất lượng giống đối với lợn đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp nuôi tại hộ gia đình	QT-02/NNPTNT	X				
<b>3. Lĩnh vực phát triển nông thôn</b>							
12.	Xét duyệt hộ gia đình được di chuyển đến vùng dự án (hoặc đến xã nhận dân xen, ghép)	QT-03/NNPTNT	X				
13.	Bố trí, ổn định dân cư nội vùng dự án, nội tỉnh cùng huyện	QT-04/NNPTNT	X				
14.	Bố trí, ổn định dân cư nội tỉnh khác huyện	QT-05/NNPTNT	X				
15.	Bố trí, ổn định dân cư ngoại tỉnh	QT-06/NNPTNT	X				
16.	Bố trí, ổn định dân cư đến các xã nhận dân xen ghép cùng huyện	QT-07/NNPTNT	X				
17.	Bố trí, ổn định dân cư đến các xã nhận dân xen ghép khác huyện	QT-08/NNPTNT	X				
18.	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT-09/NNPTNT	X				
19.	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT-10/NNPTNT	X				
20.	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT-11/NNPTNT	X				
<b>4. Lĩnh vực lâm nghiệp</b>							
21.	Phê duyệt phương án khai thác rừng theo phương thức khai thác chính, khai thác gỗ phục vụ cho nhu cầu hàng năm từ rừng tự nhiên	QT-12/NNPTNT	X				

22.	Cấp giấy phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên, khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu hàng năm	QT-13/NNPTNT	X				
23.	Cấp Giấy phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại	QT-14/NNPTNT	X				
24.	Đăng ký khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình, hoặc sử dụng vào mục đích khác	QT-15/NNPTNT	X				
25.	Đăng ký khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh đối với rừng tự nhiên	QT-16/NNPTNT	X				
26.	Đăng ký khai thác tận dụng những cây gỗ đứng đã chết khô, chết cháy, cây đổ gãy và tận thu các loại gỗ nằm, góc, rễ, cành nhánh đối với gỗ rừng tự nhiên hoặc rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại	QT-17/NNPTNT	X				
27.	Cấp giấy phép khai thác các loại lâm sản ngoài gỗ, tre nứa trong rừng tự nhiên, rừng trồng (trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng)	QT-18/NNPTNT	X				
28.	Cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân	QT-19/NNPTNT	X				
29.	Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân	QT-20/NNPTNT	X				
30.	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn	QT-21/NNPTNT	X				

31.	Thu hồi rừng đối với trường hợp chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tự nguyện trả lại rừng	QT-22/NNPTNT	X					
<b>5. Phòng giáo dục và đào tạo</b>								
32.	Xin phép thành lập trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-01/GDĐT	X					
33.	Đăng ký hoạt động giáo dục đối với trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-02/GDĐT	X					
34.	Sáp nhập, chia, tách trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-03/GDĐT	X					
35.	Giải thể trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-04/GDĐT	X					
36.	Xin phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT-05/GDĐT	X					
37.	Đăng ký hoạt động trường trung học cơ sở tư thục	QT-06/GDĐT	X					
38.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở tư thục	QT-07/GDĐT	X					
39.	Giải thể trường trung học cơ sở tư thục	QT-08/GDĐT	X					
40.	Chuyển trường đối với học sinh Trung học cơ sở	QT-09/GDĐT	X					
41.	Tiếp nhận học sinh nước ngoài về nước cấp trung học cơ sở	QT-10/GDĐT	X					
42.	Tiếp nhận học sinh Việt nam về nước cấp trung học cơ sở	QT-11/GDĐT	X					

43.	Cấp, gia hạn giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường (nội dung chương trình tiểu học, trung học cơ sở)	QT-12/GDĐT	X				
44.	Cấp, gia hạn giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường (nội dung chương trình tiểu học, trung học cơ sở)	QT-13/GDĐT	X				
45.	Chỉnh, sửa nội dung bằng tốt nghiệp trung học cơ sở	QT-14/GDĐT	X				
46.	Cấp Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở	QT-15/GDĐT	X				
<b>6. Lĩnh vực công thương</b>							
47.	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) Rượu	QT-01/KTHT	X				
48.	Cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) Rượu đối với trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực (5 năm)	QT-02/KTHT	X				
49.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-03/KTHT	X				
50.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực (5 năm)	QT-04/KTHT	X				
51.	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá	QT-05/KTHT	X				

52.	Bổ sung, sửa đổi Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá	QT-06/KTHT	X				
53.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá trong trường hợp hết thời hạn	QT-07/KTHT	X				
54.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá trong trường hợp giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu huỷ toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy	QT-08/KTHT	X				
<b>7. Lĩnh vực quản lý đô thị</b>							
55.	Cấp Giấy phép xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động - trạm BTS loại 1	QT-09/KTHT	X				
56.	Cấp Giấy phép xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động - trạm BTS loại 2	QT-10/KTHT	X				
57.	Cấp giấy chứng nhận số nhà	QT-11/KTHT	X				
58.	Cấp giấy phép quy hoạch	QT-12/KTHT	X				
59.	Thẩm định nhiệm vụ - dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu chức năng của đô thị; Quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn)	QT-13/KTHT					

60.	Thẩm định đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu chức năng của đô thị; Quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn)	QT-14/KTHT					
61.	Giám định hiện trạng công trình xây dựng	QT-15/KTHT					
62.	Phê duyệt phương án phá dỡ công trình, nhà ở riêng lẻ	QT-16/KTHT					
<b>8. Lĩnh vực văn hóa thông tin</b>							
63.	Cấp giấy phép kinh doanh Karaoke	QT-01/VHTT	X				
64.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân	QT-02/VHTT	X				
65.	Công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT-03/VHTT	X				
66.	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT-04/VHTT	X				
67.	Công nhận danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”	QT-05/VHTT	X				
<b>9. Lĩnh vực lao động thương binh và xã hội</b>							
68.	Xét cấp sổ Ưu đãi giáo dục-đào tạo cho học sinh, sinh viên con của đối tượng người có công với cách mạng	QT-01/LĐTBXH	X				
69.	Chi trả trợ cấp ưu đãi giáo dục - đào tạo cho con người có công cách mạng	QT-02/LĐTBXH	X				

70.	Xét hưởng chế độ một lần đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (đối với đối tượng đã về gia đình)	QT-03/LĐTBXH	X				
71.	Xét hưởng chế độ một lần đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (đối tượng đang công tác)	QT-04/LĐTBXH	X				
72.	Xét hưởng bổ sung chế độ một lần đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (Đối với những trường hợp thuộc đối tượng đã được hưởng chế độ hoặc đã lập hồ sơ đề hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg nay được bổ sung hưởng chế độ theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg)	QT-05/LĐTBXH	X				
73.	Giải quyết chế độ mai táng phí cho đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước	QT-06/LĐTBXH	X				

74.	Giải quyết chế độ BHYT cho đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước	QT-07/LĐT BXH	X				
75.	Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người có công với cách mạng	QT-08/LĐT BXH	X				
76.	Giải quyết chế độ đối với người có công giúp đỡ cách mạng	QT-09/LĐT BXH	X				
77.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày	QT-10/LĐT BXH	X				
78.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày và người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995	QT-11/LĐT BXH	X				
79.	Giải quyết trợ cấp tuất tử trần (Người có công với cách mạng tử trần)	QT-12/LĐT BXH	X				
80.	Giải quyết chế độ đối với người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc	QT-13/LĐT BXH	X				
81.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong kháng chiến	QT-14/LĐT BXH	X				
82.	Cấp Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-15/LĐT BXH	X				
83.	Giải quyết chế độ cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình và phục hồi chức năng đối với người có công với cách mạng	QT-16/LĐT BXH	X				

84.	Cấp giấy giới thiệu thân nhân di chuyên hải cốt liệt sĩ	QT-17/LĐTBXH	X				
85.	Cấp giấy giới thiệu thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-18/LĐTBXH	X				
<b>10. Lĩnh vực bảo trợ xã hội</b>							
86.	Trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi	QT-19/LĐTBXH	X				
87.	Trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi đủ điều kiện tiếp nhận vào sống trong cơ sở bảo trợ xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng	QT-20/LĐTBXH	X				
88.	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	QT-21/LĐTBXH	X				
89.	Tiếp nhận người cao tuổi vào nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội	QT-22/LĐTBXH	X				
90.	Cấp giấy phép hoạt động chăm sóc người cao tuổi	QT-23/LĐTBXH	X				
91.	Điều chỉnh, cấp lại giấy phép hoạt động chăm sóc người cao tuổi	QT-24/LĐTBXH	X				
92.	Trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	QT-25/LĐTBXH	X				
93.	Trợ cấp Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi	QT-26/LĐTBXH	X				
94.	Hỗ trợ kinh phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-27/LĐTBXH	X				
95.	Xét đề nghị đưa đối tượng Bảo trợ xã hội vào cơ sở Bảo trợ xã hội	QT-28/LĐTBXH	X				

96.	Hỗ trợ cho trẻ lang thang, trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm	QT-29/LĐTBXH	X				
97.	Cấp bù học phí (theo mức học phí của các trường công lập trong vùng) cho học sinh là con của người có công với nước, các đối tượng chính sách học mẫu giáo và phổ thông ngoài công lập	QT-30/LĐTBXH	X				
98.	Cấp trực tiếp tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí cho các đối tượng được miễn, giảm học phí học chính quy ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập	QT-31/LĐTBXH	X				
99.	Hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015	QT-32/LĐTBXH	X				
<b>11. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng</b>							
100.	Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-01/NV	X				
101.	Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện khen thưởng thành tích theo đợt, chuyên đề	QT-02/NV	X				
102.	Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích đợt xuất	QT-03/NV	X				
103.	Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	QT-04/NV	X				
104.	Xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”	QT-05/NV	X				
105.	Xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”	QT-06/NV	X				

12. Lĩnh vực tổ chức/bộ máy							
106.	Công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã	QT-07/NV	X				
107.	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập	QT-08/NV	X				
108.	Thay đổi tên cơ sở, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động Cơ sở BTXH ngoài công lập	QT-09/NV	X				
109.	Giải thể cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập	QT-10/NV	X				
13. Lĩnh vực tôn giáo							
110.	Chấp thuận hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở	QT-11/NV	X				
111.	Đăng ký hội đoàn tôn giáo	QT-12/NV	X				
112.	Đăng ký dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác	QT-13/NV	X				
113.	Đăng ký chuyên viên nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành	QT-14/NV	X				
114.	Tiếp nhận thông báo chuyên viên nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành	QT-15/NV	X				
115.	Chấp thuận các cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo	QT-16/NV	X				
116.	Chấp thuận việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo	QT-17/NV					
117.	Tiếp nhận thông báo tổ chức quyền góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo	QT-18/NV	X				

118.	Chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký của tổ chức tôn giáo cơ sở có sự tham gia của tín đồ trong huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-19/NV	X				
<b>14. Lĩnh vực Đăng ký kinh doanh</b>							
119.	Đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh	QT-01/TCKH					
120.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	QT-02/TCKH					
121.	Thông báo tạm ngưng kinh doanh	QT-03/TCKH					
122.	Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh	QT-04/TCKH					
123.	Đăng ký kinh doanh Hợp tác xã	QT-05/TCKH	X				
124.	Đăng ký kinh doanh trong trường hợp thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh Hợp tác xã	QT-06/TCKH	X				
125.	Đăng ký kinh doanh trong trường hợp: thay đổi nơi đăng ký kinh doanh; thay đổi địa chỉ trụ sở chính; đổi tên hợp tác xã; thay đổi số lượng xã viên, người đại diện theo pháp luật, danh sách Ban Quản trị, Ban kiểm soát; thay đổi vốn điều lệ; sửa đổi Điều lệ Hợp tác xã; chia, tách Hợp tác xã	QT-07/TCKH	X				
126.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc hợp tác xã	QT-08/TCKH		X			
127.	Đăng ký kinh doanh đối với trường hợp hợp nhất Hợp tác xã	QT-09/TCKH		X			
128.	Đăng ký kinh doanh khi sáp nhập hợp tác xã	QT-10/TCKH		X			

129.	Đăng ký tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã	QT-11/TCKH	X				
130.	Đăng ký giải thể hợp tác xã (tự nguyện giải thể)	QT-12/TCKH	X				
131.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của Hợp tác xã (trường hợp bị mất)	QT-13/TCKH	X				
132.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của Hợp tác xã (trường hợp bị hư hỏng)	QT-14/TCKH	X				
<b>15. Lĩnh vực tư pháp</b>							
133.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản	QT-01/TP	X				
134.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản	QT-02/TP	X				
135.	Chứng thực giấy Ủy quyền	QT-03/TP	X				
136.	Chứng thực Hợp đồng Ủy quyền	QT-04/TP	X				
137.	Chứng thực hợp đồng tặng cho nhà ở	QT-05/TP	X				
138.	Chứng thực hợp đồng mua bán nhà ở	QT-06/TP	X				
139.	Chứng thực hợp đồng cho thuê nhà	QT-07/TP	X				
140.	Chứng thực hợp đồng cho mượn, cho ở nhờ nhà ở	QT-08/TP	X				
141.	Chứng thực hợp đồng đổi nhà	QT-09/TP	X				
142.	Chứng thực hợp đồng thế chấp nhà ở	QT-10/TP	X				
143.	Chứng thực hợp đồng ủy quyền quản lý nhà	QT-11/TP	X				

144.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến động sản có giá trị dưới 50 triệu đồng	QT-12/TP	X				
145.	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt, giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài và giấy tờ, văn bản song ngữ	QT-13/TP	X				
146.	Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	QT-14/TP	X				
147.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt, giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài và giấy tờ, văn bản song ngữ	QT-15/TP	X				
148.	Chứng thực điểm chỉ trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt và giấy tờ, văn bản song ngữ	QT-16/TP	X				
149.	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	QT-17/TP	X				
150.	Cấp lại bản chính Giấy khai sinh	QT-18/TP					
151.	Thay đổi họ, tên, chữ đệm đã được đăng ký đúng trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính giấy khai sinh, nhưng có yêu cầu thay đổi khi có lý do chính đáng theo quy định của Bộ luật Dân sự (cho người từ đủ 14 tuổi trở lên)	QT-19/TP					

152.	Cải chính những nội dung đã được đăng ký trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh, nhưng có sai sót trong khi đăng ký (cho người từ đủ 14 tuổi trở lên)	QT-20/TP					
153.	Xác định lại dân tộc của người con theo dân tộc của người cha hoặc dân tộc của người mẹ (không phân biệt độ tuổi)	QT-21/TP					
154.	Xác định lại giới tính của một người trong trường hợp giới tính của người đó bị khuyết tật bẩm sinh hoặc chưa định hình chính xác mà cần có sự can thiệp của y học nhằm xác định rõ về giới tính (không phân biệt độ tuổi)	QT-22/TP					
155.	Bổ sung những nội dung chưa được đăng ký trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh (không phân biệt độ tuổi)	QT-23/TP					
156.	Điều chỉnh những nội dung trong sổ đăng ký hộ tịch và các giấy tờ hộ tịch khác, không phải Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh (không phân biệt độ tuổi)	QT-24/TP					
<b>16. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường</b>							
157.	Giải quyết tranh chấp đất đai	QT-01/TNMT	X				
158.	Thu hồi đất đối với trường hợp người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất	QT-02/TNMT	X				

159.	Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc đối tượng phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường	QT-03/TNMT	X				
160.	Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường đối với đề xuất hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường	QT-04/TNMT	X				
<b>17. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất</b>							
161.	Cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng (cấp lần đầu)	QT-01/VPDKQSDD	X				
162.	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài	QT-02/VPDKQSDD	X				
163.	Đăng ký mua bán, thừa kế, tặng cho, đổi nhà ở gắn liền quyền sử dụng đất ở đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng và đủ điều kiện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	QT-03/VPDKQSDD	X				
164.	Cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp thửa đất không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản nhưng người sử dụng đất không có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu hoặc có tài sản nhưng thuộc quyền sở hữu của chủ khác (cấp lần đầu)	QT-04/VPDKQSDD	X				

165.	Cấp giấy chứng nhận đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	QT-05/VPDKQSDD	X				
166.	Cấp giấy chứng nhận cho người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng	QT-06/VPDKQSDD	X				
167.	Đính chính đối với các loại Giấy chứng nhận đã cấp	QT-07/VPDKQSDD	X				
168.	Cấp đổi Giấy chứng nhận được cấp theo quy định của pháp luật trước ngày 01/8/2009 (mẫu Giấy chứng nhận cũ) và cấp đổi Giấy chứng nhận bị ó, nhòe, rách, hư hỏng hoặc do đo đạc lại trong trường hợp không có yêu cầu bổ sung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT-08/VPDKQSDD	X				
169.	Cấp đổi các loại Giấy chứng nhận đã cấp và cấp đổi Giấy chứng nhận bị ó, nhòe, rách, hư hỏng hoặc do đo đạc lại trong trường hợp có yêu cầu bổ sung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT-09/VPDKQSDD	X				
170.	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	QT-10/VPDKQSDD	X				
171.	Gia hạn sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất phi nông nghiệp; hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp được Nhà nước cho thuê đất nông nghiệp	QT-11/VPDKQSDD	X				

172.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do đổi tên; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi diện tích xây dựng, diện tích sử dụng, tầng cao, kết cấu chính, cấp (hạng) nhà, công trình; thay đổi thông tin về quyền sở hữu rừng cây	QT- 12/VPDKQSDD	X				
173.	Đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau khi đã cấp Giấy chứng nhận	QT- 13/VPDKQSDD	X				
174.	Đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất sau khi đã cấp Giấy chứng nhận	QT- 14/VPDKQSDD	X				
175.	Đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi đã cấp Giấy chứng nhận	QT- 15/VPDKQSDD	X				
176.	Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QT- 16/VPDKQSDD	X				
177.	Xoá đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT- 17/VPDKQSDD	X				
178.	Đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	QT- 18/VPDKQSDD	X				

179.	Xoá đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QT- 19/VPDKQSDD	X				
180.	Đăng ký nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn, kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QT- 20/VPDKQSDD	X				
181.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	QT- 21/VPDKQSDD	X				
182.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất	QT- 22/VPDKQSDD	X				
183.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất	QT- 23/VPDKQSDD	X				
184.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai đồng thời là người sử dụng đất)	QT- 24/VPDKQSDD	X				

185.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không đồng thời là người sử dụng đất)	QT- 25/VPDKQSDD	X				
186.	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký	QT- 26/VPDKQSDD	X				
187.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp	QT- 27/VPDKQSDD	X				
188.	Đăng ký xóa đăng ký thế chấp	QT- 28/VPDKQSDD	X				
189.	Sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký	QT- 29/VPDKQSDD	X				
190.	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất	QT- 30/VPDKQSDD	X				
191.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép	QT- 31/VPDKQSDD	X				
192.	Xin phép chuyển mục đích sử dụng đất	QT- 32/VPDKQSDD	X				
193.	Chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QT- 33/VPDKQSDD	X				
194.	Tách thửa hoặc hợp thửa	QT- 34/VPDKQSDD	X				

195.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	QT- 35/VPDKQSDD	X				
196.	Cấp Giấy chứng nhận cho người nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chia tách hộ gia đình hoặc chia tách nhóm người sử dụng đất, nhóm chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT- 36/VPDKQSDD	X				
197.	Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất, tài sản trên đất nhưng người chuyển quyền sử dụng đất không nộp Giấy chứng nhận để thực hiện thủ tục chuyển quyền (trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất kể từ ngày 01/7/2004)	QT- 37/VPDKQSDD	X				
198.	Thẩm định hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng	QT- 38/VPDKQSDD	X				